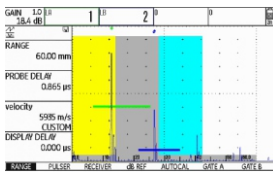


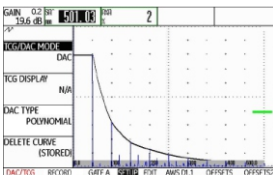
THIẾT BỊ SIÊU ÂM - MODEL USM 36-DAC



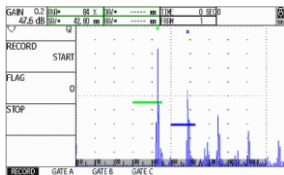
Chỉ thị màu sắc cho mỗi phản xạ



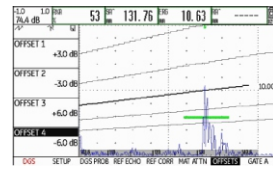
Lưu trữ dữ liệu thông qua thẻ nhớ SD Card



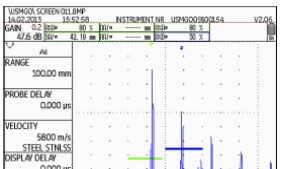
Thiết lập đường cong DAC với chức năng làm mượt đường cong



Chức năng quay phim lại quá trình làm việc



Đánh giá trực tiếp trên giản đồ DGS



PARAMETER	UNIT	1	2	3	4
A	dB	42,82	42,82	EMPTY	EMPTY
B	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY
C	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY
D	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY
E	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY
F	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY
G	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY
H	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY	EMPTY

Quản lý và lưu trữ kết quả bao gồm A-Scan với chức năng DR

Xuất báo cáo trực tiếp với định dạng JPEG và BMP bao gồm thông số cài đặt và đánh giá

Tùy chọn:

- DGS: DGS calibration tool, according to: EN 1712, EN1713, EN 1714, ASTM E164
- Data logger: phần mềm lưu trữ và quản lý kết quả
- 3 Gate: 3 cổng đo
- Phantom PRF: Phần mềm phát hiện và cảnh báo xung nhiễu bằng tín hiệu
- BEA: Blackwall Echo Attenuation
- Chứng chỉ hiệu chuẩn theo EN12668-1
- Các loại đầu dò: Xem thêm trang 20

Đặc tính kỹ thuật:

- Phù hợp làm việc ngoài trời với cấp bảo vệ đạt tiêu chuẩn IP66 according to IEC 60529; Nhiệt độ -10 → 55°C
- Màn hình màu 7 inch với độ phân giải cao 800 x 480 pixel
- Chức năng quay film quá trình làm việc trên màn hình hiển thị
- Khả năng hiển thị màu sắc khác nhau cho mỗi phản xạ (colored legs)
- Có chế độ lưu đỉnh xung cao nhất (Echo envelop)
- Hỗ trợ so sánh với xung tham chiếu (Comparison)
- Vận hành thiết bị dễ dàng, kết hợp 2 nút xoay đồng thời với phím bấm
- Thiết lập phím tắt bằng 4 nút chức năng
- Hiệu chuẩn 2 điểm tự động trong thời gian ngắn
- Thời gian làm việc liên tục 13 giờ chỉ với 1 pin Li-ion.
- Hỗ trợ đo độ dày chính xác (Đầu dò 1 biến tử) & Đo độ dày kiểm soát ăn mòn (Đầu dò 2 biến tử) với chức năng Auto freeze tự dừng hình khi đã có số liệu đo tối ưu.

Thông số kỹ thuật

- Dải đo: 0 → 14,108mm (độ phân giải 0.01)
- Vận tốc truyền âm: 250 đến 16000m/s (bước chỉnh 1m/s)
- Khoảng trễ màn hình: -15 → 3,500mm
- Khoảng trễ đầu dò: 0 → 1,000µs
- Chế độ hiệu chuẩn: theo vật liệu, theo chiều dày vật liệu với 2 điểm tự động
- Xung phát: xung vuông
- Điện áp xung: 120 → 300 V bước chỉnh 10V
- Độ rộng xung: 30 → 500 ns với bước chỉnh 10ns
- Dải tần số (Ana log): 0.5 → 20MHz
- Chế độ dập dao động: 50 ohms, 1.000 ohms
- Tần số lặp xung (PRF) : Tự động tối ưu 15 → 2.000 Hz , với 3 chế độ tự động (Auto Low, Auto Med, Auto High) và Manual
- Các bộ lọc: 1.5 MHz/ 2; 2.25 MHz/ 4; 5 MHz/ 10 MHz/ 13; 15MHz
- Dạng xung: halt - wave, negative half - wave, full - wave, RF
- Độ khuếch đại: 0 → 110 dB, bước chọn: 0.5 / 1 / 2 / 6 / 12dB
- Dạng sóng: Xung toàn phần, nửa sóng dương, nửa sóng âm và RF
- Chế độ lọc nhiễu: 0 đến 80% màn hình với cấp chỉnh 1%
- Cổng đánh giá: A và B với chế độ Peak, Flank và Jflank và first Peak
- Chức năng DAC/TCG, JIS DAC, NCDAC có sẵn trên máy
- Tích hợp khả năng tính toán theo AWS D 1.1
- Phần mềm tích hợp (tùy chọn): DGS, Phantom -PRF, BEA, 3 Gate
- Đơn vị: mm hoặc Inch
- Thời gian hoạt động trên 13h với pin Li-ion (6.6Ah)
- Trọng lượng máy: 2.2kg (bao gồm cả pin)
- Kích thước: 255 x 177 x 100mm
- Lưu trữ: thẻ nhớ SD-Card 8Gb
- Kết nối với máy tính qua cổng mini USB
- Định dạng file lưu trữ: theo chuẩn ASCII
- Định dạng file báo cáo dạng JPG, BMP
- Dạng kết nối đầu dò: 2 x Lemo-1 (hoặc 2x BNC theo yêu cầu sử dụng)
- Ngôn ngữ: Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Phần Lan, Na uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Rumani, Cộng hòa Séc, Slovakian.

Bộ tiêu chuẩn bao gồm:

Máy chính, Bộ sạc pin, pin sạc LI-ION, Chứng chỉ nhà sản xuất, Sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh, Vali vận chuyển.

Phụ kiện thiết yếu:

- Mẫu chuẩn No.1 (K1)
- Mẫu DAC đánh giá theo chuẩn ASME V
- Đầu dò thẳng, 10mm, 4Mhz (MB 4S)
- Đầu dò góc, 8x9mm, 45 độ, 4Mhz (MWB 45-4)
- Đầu dò góc, 8x9mm, 60 độ, 4Mhz (MWB 60-4)
- Đầu dò góc, 8x9mm, 70 độ, 4Mhz (MWB 70-4)
- Cáp nối đầu dò, Lemo1 → Lemo00, dài 2 m (MPKL 2)
- Túi đeo làm việc.